TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/ 8/2017
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Hằng;

2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2017/QĐXXST- HN ngày 10/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1984, nơi cư trú: tổ 25, khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, nơi cư trú: tổ 25, khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bà Đ, ông T vắng mặt (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Nguyên đơn và ông Nguyễn Văn T tự tìm hiểu, yêu thương nhau và chung sống như vợ chồng vào năm 2006, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, nguyên đơn và ông T chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn

do ông T không quan tâm đến gia đình và không còn sống chung cho đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn về thời điểm bắt đầu chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn và hiện tại giữa bị đơn và nguyên đơn không còn sống chung. Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bị đơn đồng ý.

Về con chung: Các đương sự trình bày không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án. Thư ký Tòa án thực hiện tốt việc chuẩn bị phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định, bà Đ, ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận bà Đ và ông T là vợ chồng.

Đối với con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ông T cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Bà Đ và ông T cùng có ý kiến trình bày, thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 và không đăng ký kết hôn. Kết quả xác minh ngày 04/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc thể hiện: Bà Đ, ông T không có đăng ký kết hôn tại địa phương.

Từ các căn cứ trên, xét không công nhận bà Đ, ông T là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Đ, ông T cùng thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[3] Về án phí: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Bà Đ có đơn khởi kiện ly hôn với ông T nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định nhưng được khấu trừ vào số T 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số T tạm ứng án phí bà Đ đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số TU/2015/0014717 ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà Đ đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà Đ, ông T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tâm